

U.P. AM
Kế toán
16

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 10.363
	Giờ..... Ngày 1 tháng 4 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14 - 36
8. Phụ lục	37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 06 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 01 năm 2008; thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2009; thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 10 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ, về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 03 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 3 năm 2010; thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 7 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh đồng thời thay đổi sổ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	82.500.000.000	17,01
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	41.250.000.000	8,51
Các cổ đông khác	361.224.700.000	74,48
Cộng	484.974.700.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 - 650) 3 732 981 – 3 732 982
Fax : (84 - 650) 3 732 980
E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 3 8 1 2 8 2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc – Xi nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Số 3701295519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701295237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701294836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chia cổ tức bằng cổ phiếu là 96.974.700.000 VND để tăng vốn điều lệ từ 388.000.000.000 VND lên 484.974.700.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã phân phối lợi nhuận năm 2009 và năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 4 năm 2010 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 08 tháng 9 năm 2010 như sau:

	Số tiền (VND)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.355.316.195
Trích quỹ đầu tư phát triển	5.000.000.000
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.355.669.837
Chia cổ tức	164.857.170.000
Cộng	174.568.156.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01 tháng 06 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	01 tháng 06 năm 2007	-
Ông Lê Anh Thi	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tài Tuệ	Trưởng ban	13 tháng 06 năm 2009	29 tháng 04 năm 2010
Bà Lê Hồng Nhung	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	29 tháng 04 năm 2010
	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13 tháng 06 năm 2009	-
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 06 năm 2007	-
Bà Lâm Thị Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0366/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình tại thuyết minh 1.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2010, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2011

Mai Thị Kim Dung - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1163/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.590.843.803.713	1.340.776.135.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.989.444.891	16.935.620.813
1. Tiền	111		8.989.444.891	16.935.620.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.278.053.478	82.294.681.186
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	56.144.957.825	63.571.787.739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	13.643.701.276	17.704.331.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	10.361.677.597	4.704.501.939
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3.872.283.220)	(3.685.939.925)
IV. Hàng tồn kho	140		1.449.679.577.079	1.189.361.155.123
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.449.679.577.079	1.189.361.155.123
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.896.728.265	52.184.678.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	141.568.625	850.514.493
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.225.298.805	6.130.052.101
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	23.529.860.835	45.204.111.524

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.143.056.870	132.969.805.418
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		373.451.246.870	130.520.443.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	65.971.889.987	65.396.353.878
<i>Nguyên giá</i>	222		92.512.523.605	83.049.914.573
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.540.633.618)	(17.653.560.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.261.943.532	4.943.854.488
<i>Nguyên giá</i>	225		5.455.287.708	5.455.287.708
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.193.344.176)	(511.433.220)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	63.046.667.105	59.491.779.649
<i>Nguyên giá</i>	228		64.361.546.808	60.471.546.808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.314.879.703)	(979.767.159)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	240.170.746.246	688.455.594
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.127.310.000	1.866.680.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	2.127.310.000	1.866.680.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		564.500.000	582.681.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	18.181.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	564.500.000	564.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.966.986.860.583	1.473.745.940.658

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.180.460.764.776	804.443.243.869
I. Nợ ngắn hạn	310		1.169.342.654.476	790.438.881.670
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	1.021.451.537.924	555.229.955.055
2. Phải trả người bán	312	V.17	89.098.961.337	180.513.236.514
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	12.000.042.998	4.638.195.635
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	36.245.849.144	44.607.562.630
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1.015.607.724	629.783.695
6. Chi phí phải trả	316	V.21	3.423.658.215	1.754.954.560
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	5.172.437.581	2.896.202.051
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	934.559.553	168.991.530
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.118.110.300	14.004.362.199
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	10.786.237.200	13.672.489.099
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.13	331.873.100	331.873.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.526.095.807	669.302.696.789
I. Vốn chủ sở hữu	410		786.526.095.807	669.302.696.789
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	484.974.700.000	388.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	151.238.500.000	151.238.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(130.000.000)	(130.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	297.816.683	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	7.858.510.594	2.858.510.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1.903.869.837	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	140.382.698.693	127.335.686.195
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.966.986.860.583	1.473.745.940.658

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702		1.812.487.702	
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		39.442,40		750.659,38	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2011



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.814.353.067.479	1.541.038.489.338
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	5.672.998.620	8.709.102.088
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	1.808.680.068.859	1.532.329.387.250
4.	Giá vốn hàng bán	11	VL.2	1.451.606.960.311	1.321.065.099.140
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		357.073.108.548	211.264.288.110
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	19.930.723.495	9.876.439.965
7.	Chi phí tài chính	22	VL.4	128.405.554.716	46.516.934.450
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		79.659.277.265	36.813.559.532
8.	Chi phí bán hàng	24	VL.5	14.409.042.717	10.957.546.630
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	26.409.463.453	25.424.227.314
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		207.779.771.157	138.242.019.681
11.	Thu nhập khác	31	VL.7	271.291.676	1.630.473.080
12.	Chi phí khác	32	VL.8	530.013.219	5.062.624.480
13.	Lợi nhuận khác	40		(258.721.543)	(3.432.151.400)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		207.521.049.614	134.809.868.281
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	19.905.881.084	12.803.390.838
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>187.615.168.530</u>	<u>122.006.477.443</u>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		187.615.168.530	122.006.477.443
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>3.869</u>	<u>3.190</u>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2011


Vũ Thành Nam
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		207.521.049.614	134.809.868.281
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11; V.12	9.904.096.423	6.849.378.412
- Các khoản dự phòng	03	V.6	186.343.295	(12.400.609.042)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3; VI.4	(9.626.439.785)	2.055.398.354
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(75.815.253)	(493.043.761)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	79.659.277.265	36.813.559.532
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		287.568.511.559	167.634.551.776
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45.814.575.850	(63.405.115.176)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(312.166.828.326)	(691.798.249.938)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(169.975.694.228)	145.959.096.864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		727.127.677	12.642.972.770
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21; VI.4	(77.351.301.610)	(37.629.814.115)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(15.791.443.749)	(5.363.857.963)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.9; V.23	1.287.137.624.505	1.556.125.057.824
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.9; V.23	(1.265.422.518.844)	(1.536.962.872.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(219.459.947.166)	(452.798.230.875)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.12; V.13	(200.986.493.314)	(19.391.677.808)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	809.523.810
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(2.260.630.000)	(1.866.680.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	75.815.253	243.848.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(203.171.308.061)	(20.204.985.923)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	206.263.800.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(274.300.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16; V.24	2.061.832.486.087	1.424.861.819.864
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16; V.24	(1.579.213.828.627)	(1.161.328.629.813)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.24	(1.876.800.000)	(2.949.600.001)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(66.034.802.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		414.707.055.460	466.573.090.050
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.924.199.767)	(6.430.126.748)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.935.620.813	23.432.134.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(21.976.155)	(66.387.373)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.989.444.891	16.935.620.813

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, Khu Chứa góp vốn công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 330 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 397 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chia cổ tức bằng cổ phiếu là 96.974.700.000 VND để tăng vốn điều lệ từ 388.000.000.000 VND lên 484.974.700.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 08 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm/kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm/kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm/kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2009 :	17.941 VND/USD
	31/12/2010 :	18.932 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	615.673.067	1.391.218.350
Tiền gửi ngân hàng	8.373.771.824	15.544.402.463
Cộng	<u>8.989.444.891</u>	<u>16.935.620.813</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	54.418.902.500	13.745.632.032
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	1.726.055.325	49.826.155.707
Cộng	<u>56.144.957.825</u>	<u>63.571.787.739</u>

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nguyên vật liệu	2.419.699.598	14.251.204.746
Trả trước máy móc thiết bị	10.543.653.034	-
Trả trước các dịch vụ khác	680.348.644	3.453.126.687
Cộng	<u>13.643.701.276</u>	<u>17.704.331.433</u>

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu vào được hoàn	3.091.027.193	-
Thuế GTGT nhập khẩu chờ hoàn	-	1.252.517.882
Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định thuê tài chính chờ khấu trừ	60.791.362	162.905.638
Tiền cho công nhân viên vay	652.232.250	1.524.750.000
Thuế nhập khẩu được hoàn	5.345.913.607	473.100.985
Phải thu khác	1.211.713.185	1.291.227.434
Cộng	<u>10.361.677.597</u>	<u>4.704.501.939</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.131.929.078	1.453.978.400
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.611.294.956	1.100.452.352
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	1.129.059.186	1.131.509.173
Cộng	<u>3.872.283.220</u>	<u>3.685.939.925</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.685.939.925
Trích lập bổ sung	186.343.295
Số cuối năm	3.872.283.220

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	423.322.972.029	505.370.606.514
Công cụ, dụng cụ	5.706.926.134	2.771.621.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.077.501.031	54.027.247.937
Thành phẩm	267.195.861.475	117.202.799.631
Hàng hóa	751.376.316.410	509.988.879.752
Cộng	1.449.679.577.079	1.189.361.155.123

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa có giá trị ghi sổ là 532.464.789.217 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	31.118.626	217.076.350
Chi phí sửa chữa dàn mạ kẽm	110.449.999	633.438.143
Cộng	141.568.625	850.514.493

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	957.775.158	1.013.829.579
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.464.172.584	44.190.281.945
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.913.093	-
Cộng	23.529.860.835	45.204.111.524

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.931.484.163	45.094.450.945	20.169.547.417	854.432.048	-	83.049.914.573
Mua trong năm	-	5.404.401.423	3.545.623.791	425.583.818	87.000.000	9.462.609.032
Số cuối năm	16.931.484.163	50.498.852.368	23.715.171.208	1.280.015.866	87.000.000	92.512.523.605
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	229.775.509	-	573.383.395	-	803.158.904
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.824.216.056	11.222.500.881	2.123.078.834	483.764.924	-	17.653.560.695
Khấu hao trong năm	1.206.397.017	4.902.449.090	2.639.366.743	133.060.073	5.800.000	8.887.072.923
Số cuối năm	5.030.613.073	16.124.949.971	4.762.445.577	616.824.997	5.800.000	26.540.633.618
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.107.268.107	33.871.950.064	18.046.468.583	370.667.124	-	65.396.353.878
Số cuối kỳ	11.900.871.090	34.373.902.397	18.952.725.631	663.190.869	81.200.000	65.971.889.987
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 164.919.375.549 VND và 21.783.967.141 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	511.433.220	4.943.854.488
Tăng trong năm	-	681.910.956	
Số cuối năm	5.455.287.708	1.193.344.176	4.261.943.532

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	60.380.247.808	91.299.000	60.471.546.808
Mua trong năm	3.890.000.000	-	3.890.000.000
Số cuối năm	64.270.247.808	91.299.000	64.361.546.808
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	968.354.785	11.412.374	979.767.159
Tăng trong năm	323.700.172	11.412.372	335.112.544
Số cuối năm	1.292.054.957	22.824.746	1.314.879.703
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	59.411.893.023	79.886.626	59.491.779.649
Số cuối năm	62.978.192.851	68.474.254	63.046.667.105
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	12.290.600.700	-	12.290.600.700
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Nguyên giá theo sổ sách	2.840.127.030 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách	2.414.644.334 VND

- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội.

Lô đất 830 m² tọa lạc tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 2.490.000.000 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chuyển từ chi phí sản xuất dở dang	Chi phí phát sinh trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	688.455.594	7.985.169.729	146.013.013.630	(318.213.389)	154.368.425.564
XDCB dở dang	-	44.587.371.995	41.620.870.652	(405.921.965)	85.802.320.682
Cộng	688.455.594	52.572.541.724	187.633.884.282	(724.135.354)	240.170.746.246

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	119.147	2.127.310.000	93.084	1.866.680.000
Cộng		2.127.310.000		1.866.680.000

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam tăng do mua thêm 26.063 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 260.630.000 VND.

15. Tài sản dài hạn khác

Khoản kỹ quỹ thuê tài sản cho Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	916.304.434.725	540.907.545.358
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương	103.821.139.452	70.665.349.400
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	92.704.722.433	36.124.145.012
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	192.351.903.126	307.899.245.085
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội	97.255.592.681	44.302.644.023
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương	238.460.832.313	81.916.161.838
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	42.093.877.000	-
- Ngân hàng Indovina bank	37.800.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	111.816.367.720	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	1.875.700.000	9.602.976.197
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh V.25)	2.421.003.200	2.842.633.500
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.25)	850.399.999	1.876.800.000
Trái phiếu ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100.000.000.000	-
Cộng	1.021.451.537.924	555.229.955.055

(i) Khoản vay các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hoá.

(ii) Khoản vay Ông Nguyễn Ứng Vũ để bổ sung vốn lưu động.

(iii) Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	540.907.545.358	1.909.813.486.087	-	(17.869.961.490)	(1.516.546.635.230)	916.304.434.725
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	9.602.976.197	52.019.000.000	-	-	(59.746.276.197)	1.875.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.842.633.500	-	2.005.502.900	-	(2.427.133.200)	2.421.003.200
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.876.800.000	-	850.399.999	-	(1.876.800.000)	850.399.999
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Cộng	555.229.955.055	2.061.832.486.087	2.855.902.899	(17.869.961.490)	(1.580.596.844.627)	1.021.451.537.924

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nguyên vật liệu	87.839.601.637	179.576.942.345
Phải trả chi phí XDCB	1.259.359.700	-
Phải trả dịch vụ khác	-	936.294.169
Cộng	89.098.961.337	180.513.236.514

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	11.016.641.530	4.217.057.121
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	983.401.468	421.138.514
Cộng	12.000.042.998	4.638.195.635

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.328.666.094	5.444.185.920	(6.750.119.251)	22.732.763
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	119.394.894.824	(118.690.890.116)	704.004.708
Thuế xuất, nhập khẩu	22.268.116.375	64.224.364.709	(77.460.568.200)	9.031.912.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.983.575.618	19.905.881.084	(15.791.443.749)	25.098.012.953
Thuế tài nguyên	-	2.857.600	-	2.857.600
Thuế thu nhập cá nhân	27.204.543	1.475.538.349	(116.414.656)	1.386.328.236
Các loại thuế khác	-	14.000.000	(14.000.000)	-
Cộng	44.607.562.630	210.461.722.486	(218.823.435.972)	36.245.849.144

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động thương mại, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi hoạt động sản xuất kinh doanh. , Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	207.521.049.614	134.809.868.281
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.141.618.169	7.276.725.584
- Các khoản điều chỉnh giảm	14.721.072.007	(14.052.685.485)
Tổng thu nhập chịu thuế	237.383.739.790	128.033.908.380
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	94.302.764.805	(9.447.881.988)
- Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 20%)	128.331.737.236	128.033.908.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	39.811.762.168	25.606.781.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	19.905.881.084	12.803.390.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	19.905.881.084	12.803.390.838

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và các khoản thưởng của người lao động chưa chi.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.119.928.170	811.952.515
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	103.730.045	779.365.681
Chi phí khác	200.000.000	163.636.364
Cộng	3.423.658.215	1.754.954.560

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	312.485.400	-
Kinh phí công đoàn	103.482.724	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	335.252.843	97.217.537
Phải trả lâu năm không ai đòi	1.808.308.866	1.808.308.866
Cổ tức phải trả	1.847.668.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa – tiền mượn	-	399.937.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	765.239.748	590.738.528
Cộng	5.172.437.581	2.896.202.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	168.991.530
Trích lập các quỹ trong năm	2.355.316.195
Chi quỹ trong năm	(1.672.080.741)
Tăng khác	82.332.569
Số cuối năm	934.559.553

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	10.786.237.200	12.822.089.100
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ⁽ⁱ⁾	1.093.339.200	2.133.323.400
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	9.692.898.000	10.688.765.700
Nợ dài hạn	-	850.399.999
Cộng	10.786.237.200	13.672.489.099

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp để thanh toán tiền đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Sóng Thần để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(iii) Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	3.271.375.399
Trên 01 năm đến 05 năm	10.786.237.200
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	14.057.612.599

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng khác	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.822.089.100	878.907.500	(2.420.975.400)	(493.784.000)	10.786.237.200
Nợ dài hạn	850.399.999	-	(850.399.999)	-	-
Cộng	13.672.489.099	878.907.500	(3.271.375.399)	(493.784.000)	10.786.237.200

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 37.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (5% mệnh giá)	17.517.422.000
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	48.517.380.000
Cộng	66.034.802.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.497.470	38.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.497.470	38.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.497.470	38.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.000	10.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000	10.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.487.470	38.790.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.487.470	38.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm trong giai đoạn xây dựng để hình thành Công ty.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được dùng cho khoản dự phòng biến động nghĩa vụ phải nộp cho Cơ quan thuế.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.814.353.067.479	1.541.038.489.338
- Doanh thu bán hàng hoá	1.012.388.992.927	880.120.057.970
- Doanh thu bán thành phẩm	796.974.347.543	658.850.479.973
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.037.487	100.793.438
- Doanh thu bán phế liệu	4.925.689.522	1.967.157.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.672.998.620)	(8.709.102.088)
- Hàng bán trả lại	(5.147.075.915)	(8.238.408.328)
- Giảm giá hàng bán	(525.922.705)	(470.693.760)
Doanh thu thuần	1.808.680.068.859	1.532.329.387.250
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá	1.012.388.992.927	876.584.870.682
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	791.301.348.923	653.676.565.173
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	64.037.487	100.793.438
- Doanh thu thuần bán phế liệu	4.925.689.522	1.967.157.957

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá	860.022.688.336	623.153.102.532
Giá vốn thành phẩm	586.782.318.256	606.357.104.782
Giá vốn nguyên vật liệu	-	104.569.278.780
Giá vốn phế liệu	4.801.953.719	1.940.652.840
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(14.955.039.794)
Cộng	1.451.606.960.311	1.321.065.099.140

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	202.181.970	199.614.233
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	110.045.141
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.026.286.487	5.100.083.761
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.626.439.785	4.332.893.896
Lãi tiền cho vay	75.815.253	133.802.934
Cộng	19.930.723.495	9.876.439.965

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	79.659.277.265	36.813.559.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.388.292.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.147.133.191	3.315.082.668
Lãi mua hàng trả chậm	599.144.260	-
Cộng	128.405.554.716	46.516.934.450

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.214.803.320	2.044.359.984
Chi phí công cụ, dụng cụ	362.215.954	541.309.013
Chi phí khấu hao	31.444.542	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.200.588	3.430.373.836
Chi phí khác	10.164.378.313	4.941.503.797
Cộng	14.409.042.717	10.957.546.630

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.048.513.834	6.291.191.932
Chi phí công cụ, dụng cụ	554.330.063	255.897.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	836.428.669	793.182.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.964.275.545	5.418.494.145
Chi phí khác	7.005.915.342	12.665.461.578
Cộng	26.409.463.453	25.424.227.314

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ phải trả của các năm trước.	9.407.474	319.633.510
Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	3.000.000	230.732.857
Thu thanh lý tài sản cố định	-	809.523.810
Hàng khuyến mãi dùng thử	219.127.297	173.758.775
Thu nhập khác	39.756.905	96.824.128
Cộng	271.291.676	1.630.473.080

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt truy thu thuế	518.304.621	4.476.254.463
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	560.328.124
Chi phí khác	11.708.598	26.041.893
Cộng	530.013.219	5.062.624.480

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	187.615.168.530	122.006.477.443
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	187.615.168.530	122.006.477.443
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.497.470	38.251.697
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.869	3.190

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	38.800.000	25.300.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(11.278)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm trước	-	3.265.505
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm nay	9.697.470	9.697.470
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.497.470	38.251.697

Năm 2010, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.297 VND xuống còn 3.190 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	802.045.550.373	623.942.928.295
Chi phí nhân công	17.676.539.604	10.559.667.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.783.301.393	6.849.378.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.097.736.341	13.531.220.127
Chi phí khác	19.732.386.487	20.058.912.482
Cộng	860.335.514.198	369.897.907.665

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 96.974.700.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	712.109.000	3.365.943.479
Cho mượn tiền	-	6.210.141.750
Các cá nhân có liên quan		
Vay tiền	29.919.000.000	28.329.621.159
Mua trái phiếu chuyển đổi	20.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	-	399.937.120
Các cá nhân có liên quan	20.000.000.000	9.602.976.197
Cộng nợ phải trả	20.000.000.000	10.002.913.317

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	998.826.085	793.755.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	29.662.800	8.044.800
Cộng	984.266.485	801.799.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan với Tập đoàn là Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc		
Thu hộ tiền hàng	30.000.000	809.127.584
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa	-	92.637.859.333
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	-	59.985.334.398
Thuê kho	2.774.349.009	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc còn nợ tiền mua nguyên liệu và thành phẩm 521.198.253 VND (số đầu năm là 521.198.253 VND).

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép, các loại.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và gia công sắt, thép các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.012.388.992.927	796.974.347.543	4.989.727.009	(5.672.998.620)	1.808.680.068.859
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.012.388.992.927	796.974.347.543	4.989.727.009	(5.672.998.620)	1.808.680.068.859
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	194.368.238.575	153.010.849.785	957.976.091	(5.672.998.620)	342.664.065.831
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(26.409.463.453)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	316.254.602.378
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	19.930.723.495
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(128.405.554.716)
Thu nhập khác	-	-	-	-	271.291.676
Chi phí khác	-	-	-	-	(530.013.219)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(19.905.881.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	187.615.168.530
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	(203.247.123.314)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(11.321.176.360)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	880.120.057.970	658.850.479.973	2.067.951.395	(8.709.102.088)	1.532.329.387.250
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	880.120.057.970	658.850.479.973	2.067.951.395	(8.709.102.088)	1.532.329.387.250
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.373.420.995	89.361.939.893	280.482.680	(8.709.102.088)	200.306.741.480
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(25.424.227.314)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	174.882.514.166
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	9.876.439.965
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(46.516.934.450)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.630.473.080
Chi phí khác	-	-	-	-	(5.062.624.480)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(12.803.390.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	122.006.477.443

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	(19.391.677.808)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(21.392.934.092)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	751.376.316.410	698.303.260.669	-	-	1.449.679.577.079
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	517.307.283.504
Tổng tài sản					1.966.986.860.583
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	1.180.460.764.776
Tổng nợ phải trả					1.180.460.764.776
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	509.988.879.752	679.372.275.371	-	-	1.189.361.155.123
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	284.384.785.535
Tổng tài sản					1.473.745.940.658
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	804.443.243.869
Tổng nợ phải trả					804.443.243.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.374.301.206.726	1.285.445.947.545
Ngoài nước	440.051.860.753	255.592.541.793
Cộng	1.814.353.067.479	1.541.038.489.338

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

4. Thông tin khác

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến năm 2009 theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Ảnh hưởng của vấn đề này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	41.008.675.053	3.598.887.577	44.607.562.630
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	130.934.573.772	(3.598.887.577)	127.335.686.195
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.235.398.504	9.567.992.334	12.803.390.838

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	253.000.000.000	80.134.000.000	(15.000.000)	-	2.858.510.594	1.903.869.837	(673.242.467)	337.208.137.964
Phát hành cổ phiếu trong năm	135.000.000.000	71.104.500.000	-	-	-	-	-	206.104.500.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm	-	-	(274.300.000)	-	-	-	-	(274.300.000)
Tái phát hành cổ phiếu đã mua lại	-	-	159.300.000	-	-	-	-	159.300.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	122.006.477.443	122.006.477.443
Hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến năm 2008	-	-	-	-	-	-	8.186.781.665	8.186.781.665
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	249.000.000	(2.184.330.446)	(1.935.330.446)
Nộp truy thu thuế TNDN	-	-	-	-	-	(1.903.869.837)	-	(1.903.869.837)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(249.000.000)	-	(249.000.000)
Số dư cuối năm trước	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	-	2.858.510.594	-	127.335.686.195	669.302.696.789
Số dư đầu năm nay	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	-	2.858.510.594	-	127.335.686.195	669.302.696.789
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000	-	-	-	-	-	(96.974.700.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(67.882.470.000)	(67.882.470.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	187.615.168.530	187.615.168.530
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.000.000.000	2.355.669.837	(9.710.986.032)	(2.355.316.195)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(451.800.000)	-	(451.800.000)
Chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	297.816.683	-	-	-	297.816.683
Số dư cuối năm nay	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	297.816.683	7.858.510.594	1.903.869.837	140.382.698.693	786.526.095.807

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

